BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 20/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

THÔNG TƯ
Quy định việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Cư trú số 81/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Nghị định số 113/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 8522/VPCP-KTTH ngày 11/10/2013 của Văn phòng Chính phủ.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này quy định việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam (sau đây gọi là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ thay hộ chiếu nước ngoài cấp còn giá trị đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2. Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu Việt Nam và có giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

3. Cơ quan Hải quan.

4. Đối tượng nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này trực tiếp thực hiện các thủ tục quy định tại Thông tư này; không được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện nhập khẩu đối với xe ô tô theo chế độ tài sản di chuyển

1. Xe ô tô nhập khẩu phải đảm bảo điều kiện: Đã đăng ký lưu hành ở nước định cư hoặc nước mà công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc (khác với nước định cư) ít nhất là 6 (sáu) tháng và đã chạy được một quãng đường tối thiểu là 10.000 km đến thời điểm ô tô về đến cảng Việt Nam.

2. Xe ô tô nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài và quy định tại Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15/4/2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu.

Điều 4. Điều kiện nhập khẩu đối với xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển

1. Xe mô tô phải được đăng ký lưu hành ở nước định cư hoặc nước mà công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc (khác với nước định cư) trước thời điểm công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam, thời điểm được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam được xác định trên sổ hộ khẩu thường trú do cơ quan Công an cấp.

2. Xe mô tô phải thuộc loại được phép đăng ký, lưu hành tại Việt Nam.

3. Xe mô tô nhập khẩu phải đảm bảo điều kiện: Không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm mô tô về đến cảng Việt Nam.

4. Xe mô tô nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 5. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu

a) Đơn đề nghị nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô (có xác nhận về địa chỉ thường trú của Công an xã, phường, thị trấn), trong đó ghi rõ nhãn hiệu xe, đời xe (model), năm sản xuất, nước sản xuất, màu sơn, số khung, số máy, dung tích động cơ, tình trạng xe và số km đã chạy được: 01 bản chính;

b) Hộ chiếu nước ngoài (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trên thị thực rời đối với trường hợp hộ chiếu được cấp thị thực rời) hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do nước ngoài cấp còn giá trị (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu): 01 bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực từ bản chính, kèm bản chính để kiểm tra đối chiếu (đối với đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư này);

Hoặc hộ chiếu Việt Nam (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu): 01 bản sao hộ chiếu có công chứng, kèm bản chính để kiểm tra đối chiếu và giấy tờ chứng minh được phía nước ngoài cho phép thường trú: 01 bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực từ bản chính kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu (đối với đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này);

c) Sổ hộ khẩu thường trú do cơ quan Công an cấp, tại mục: "Nơi thường trú trước khi chuyển đến" trong Sổ hộ khẩu phải ghi rõ địa chỉ cư trú ở nước ngoài (ghi rõ phiên âm bằng tiếng Việt): 01 bản sao có công chứng kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

d) Giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy hủy đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp hoặc nước mà công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc cấp (khác với nước định cư): 01 bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực từ bản chính, kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

đ) Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có trị tương đương: 01 bản chính và 01 bản sao (trừ trường hợp nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô qua cửa khẩu đường bộ).

2. Trình tự thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô

a) Trách nhiệm của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương

a.1) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

a.2) Trường hợp công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương có địa chỉ thường trú trên địa bàn tỉnh, thành phố không có tổ chức Cục Hải quan tỉnh, thành phố thì công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương có văn bản gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố gần nhất đối với tỉnh, thành phố không có tổ chức Cục Hải quan tỉnh, thành phố đề nghị cấp phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo quy định;

b) Trách nhiệm của Cục Hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô

b.1) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp phép của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương. Trường hợp thấy hồ sơ đầy đủ, thực hiện lập phiếu tiếp nhận và giao cho công dân Việt Nam đó giữ 01 phiếu. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thực hiện hướng dẫn công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b.2) Đối với những hồ sơ đã được tiếp nhận, Cục Hải quan tiến hành kiểm tra các chứng từ và tổ chức xác minh việc đăng ký thường trú của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương tại nơi đăng ký thường trú (nếu cần thiết). Trường hợp thấy hợp lệ, thực hiện cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo quy định. Trường hợp không hợp lệ, từ chối cấp thì có văn bản nêu rõ lý do, đồng thời thông báo cho Hải quan cửa khẩu nơi nhập xe để giám sát và xử lý theo quy định;

b.3) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện việc cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô. Đối với trường hợp phải tổ chức xác minh thì thời hạn cấp giấy phép không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Giấy phép nhập khẩu xe có giá trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp;

b.4) Mỗi xe ô tô, xe mô tô được cấp 01 bộ giấy phép gồm 03 bản (theo mẫu GP/2014/NK OTO/MOTO-VKHH ban hành kèm theo Thông tư này), giấy phép phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhập xe, nhãn hiệu xe, đời xe (model), năm sản xuất, nước sản xuất, màu sơn, số khung, số máy, dung tích động cơ, tình trạng xe. Đóng dấu treo lên 01 bản chính vận tải đơn trừ trường hợp nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô

qua cửa khẩu đường bộ quốc tế) và chuyển cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương cùng 02 bản giấy phép để thực hiện thủ tục nhập khẩu xe.

b.5) Cập nhật thông tin (bao gồm cả trường hợp đã cấp giấy phép và từ chối cấp giấy phép) lên hệ thống quản lý thông tin của Tổng cục Hải quan đối với xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương.

Điều 6. Thủ tục nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô

1. Hồ sơ nhập khẩu

a) Giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô: 02 bản chính.

b) Vận tải đơn: 01 bản chính (có đóng dấu treo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô);

c) Tờ khai hải quan xuất khẩu/nhập khẩu phi mậu dịch (HQ/2011-PMD): 02 bản chính.

d) Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (đối với ô tô): 01 bản sao có công chứng kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

đ) Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng xe mô tô nhập khẩu (đối với mô tô): 01 bản sao có công chứng kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

2. Trình tự thủ tục nhập khẩu

a) Địa điểm làm thủ tục

a.1) Thủ tục nhập khẩu xe ô tô thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu (nơi xe ô tô được vận chuyển từ nước ngoài đến cửa khẩu) theo quy định hiện hành đối với xe ôtô đã qua sử dụng. Riêng đối với công dân Việt Nam định cư ở các nước có chung biên giới đất liền được phép hồi hương vận chuyển ô tô qua cửa khẩu đường bộ thì được làm thủ tục nhập khẩu tại cửa khẩu quốc tế;

a.2) Thủ tục tạm nhập khẩu xe mô tô thực hiện tại Chi cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

b) Thủ tục nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại và các văn bản hướng dẫn liên quan;

c) Chi cục Hải quan cửa khẩu chỉ thông quan khi có Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (đối với xe ô tô), giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe ô tô, xe gắn máy (đối với xe mô tô) của cơ quan kiểm tra chất lượng;

d) Kết thúc thủ tục thông quan đối với xe ô tô, xe mô tô, lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu xác nhận nội dung "xe ô tô, mô tô nhập khẩu theo chế độ tài sản di chuyển" vào Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phi mậu dịch (HQ/2011-PMD), không cấp tờ khai nguồn gốc đối với xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu;

trả cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương 01 giấy phép nhập khẩu xe (có xác nhận kết quả làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập xe), 01 tờ khai HQ/2011- PMD (bản người khai lưu) để làm các thủ tục đăng ký lưu hành xe theo quy định hiện hành của pháp luật và 01 bản sao tờ khai HQ/2011-PMD (bản người khai hải quan lưu) có đóng dấu để làm thủ tục chuyển nhượng và xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập; sao gửi tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch có xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép nhập khẩu để theo dõi và cập nhật đầy đủ dữ liệu thông tin về tờ khai nhập khẩu xe vào hệ thống quản lý thông tin của Tổng cục Hải quan để quản lý thông tin tập trung.

Điều 7. Chính sách thuế xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu, chuyển nhượng

1. Chính sách thuế đối với xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu

Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam theo quy định được nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô, 01 xe mô tô. Chính sách thuế đối với xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu thực hiện như sau:

a) Thuế nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ;

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt: Phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt trừ các loại xe quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt được hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/3/2009 của Chính phủ, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 113/2011/NĐ-CP ngày 8/12/2011 của Chính phủ và khoản 5 Điều 3 Thông tư số 05/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính.

Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt (giá tính thuế, thuế suất) thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm tính thuế:

Số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt = Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của xe ôtô, xe mô tô x Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt

Trong đó:

- Thời điểm tính thuế tiêu thụ đặc biệt là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô.

- Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt = Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu.

- Giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo các quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.

- Trị giá tính thuế xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

c) Thuế giá trị gia tăng: Thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 3 Luật thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng (trị giá tính thuế, thuế suất) thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm tính thuế:

Số tiền thuế giá trị gia tăng = Giá tính thuế giá trị gia tăng của xe ôtô, xe mô tô x Thuế suất thuế giá trị gia tăng

Trong đó:

- Thời điểm tính thuế giá trị gia tăng là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô.

- Giá tính thuế giá trị gia tăng = Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu + Thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo các quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.

- Trị giá tính thuế xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

d) Thời hạn nộp thuế: Thực hiện theo quy định tại Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

đ) Thực hiện nộp lệ phí trước bạ theo mức thu từ lần đầu;

đ) Thực hiện nộp lệ phí đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô theo quy định hiện hành.

2. Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển có trách nhiệm nộp lệ phí trước bạ tại cơ quan Thuế địa phương và đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô để sử dụng tại cơ quan Công an theo quy định; họ tên, địa chỉ thường trú của chủ sở hữu xe trên giấy đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô là họ tên, địa chỉ thường trú trên giấy phép và tờ khai nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô do cơ quan Hải quan cấp và làm thủ tục nhập khẩu; không được bán, cho, biếu, tặng (sau đây gọi là chuyển nhượng) cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam khi chưa kê khai, nộp lệ phí trước bạ và đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô theo quy định.

3. Chính sách thuế đối với xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu sau đó chuyển nhượng

a) Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương đã hoàn thành thủ tục đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô để sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu chuyển nhượng xe ô tô, xe mô tô thì thực hiện kê khai thay đổi mục đích đã được miễn thuế và nộp thuế nhập khẩu tại cơ quan hải quan nơi cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo quy định. Thủ tục kê khai thay đổi mục đích sử dụng thực hiện

theo hướng dẫn tại khoản 8 Điều 11 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Căn cứ để tính thuế đối với xe ô tô, xe mô tô khi chuyển nhượng là trị giá tính thuế, thuế suất và tỷ giá tại thời điểm đăng ký lại tờ khai mới. Trong đó:

a.1) Trị giá tính thuế nhập khẩu thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

a.2) Thuế suất để tính thuế nhập khẩu áp dụng theo mức thuế tại thời điểm đăng ký tờ khai mới;

b) Người nhận chuyển nhượng xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu đã qua sử dụng của Việt kiều hồi hương thực hiện nộp lệ phí trước bạ theo mức thu từ lần thứ 2 trở đi và thực hiện nộp lệ phí đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô theo quy định hiện hành.

Điều 8. Thủ tục kê khai, nộp thuế xe ô tô, xe mô tô khi chuyển nhượng

1. Trách nhiệm của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương

a) Nộp cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô các giấy tờ sau:

a.1) Đơn đề nghị chuyển nhượng xe ô tô, xe mô tô của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương: 01 bản chính;

a.2) Giấy xóa sổ đăng ký đăng ký lưu hành xe ô tô, xe mô tô do cơ quan Công an cấp: 01 bản sao có công chứng;

a.3) Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phi mậu dịch (HQ/2011-PMD): 01 bản sao tờ khai HQ/2011-PMD (bản người khai hải quan lưu) có đóng dấu để làm thủ tục chuyển nhượng và xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập;

a.4) Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phi mậu dịch (HQ/2011- PMD): 02 bản chính;

a.5) Chứng từ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế gia trị gia tăng tại khâu nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô và chứng từ nộp lệ phí trước bạ.

b) Thực hiện nộp thuế theo quy định.

c) Thực hiện quyết định xử lý vi phạm của cơ quan Hải quan đối với vi phạm về kê khai, nộp thuế đối với xe ô tô, xe mô tô khi chuyển nhượng.

2. Trách nhiệm của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô

a) Căn cứ hồ sơ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và đối chiếu với thực tế xe ô tô, xe mô tô để thực hiện thủ tục chuyển nhượng, tính thuế nhập khẩu và thu thuế nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai khi làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định;

b) Trả biên lai thu thuế cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương (đối với trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt)/Thu bản sao giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt hoặc séc qua kho bạc nhà nước (có xác nhận của kho bạc nhà nước đã nhận tiền) hoặc giấy ủy nhiệm chi qua ngân hàng từ công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương.

b.1) Thanh khoản giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô;

b.2) Thực hiện xử lý vi phạm đối với trường hợp công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương vi phạm về kê khai, nộp thuế đối với xe ô tô, xe mô tô khi chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý xe ô tô, xe mô tô không đủ điều kiện nhập khẩu theo chế độ tài sản di chuyển

1. Trường hợp xe ô tô nhập khẩu theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương không đủ điều kiện nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này thì công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương phải thực hiện thủ tục tái xuất xe ô tô ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi xe ô tô được vận chuyển đến hoặc thực hiện thủ tục nhập khẩu theo loại hình phi mậu dịch và nộp đủ các loại thuế theo quy định đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu (nếu xe ô tô đáp ứng điều kiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu).

2. Đối với xe mô tô thực hiện xử lý vi phạm và buộc tái xuất. Trường hợp công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương không tái xuất trong thời hạn quy định thì bị xử lý tịch thu.

3. Trường hợp cơ quan Hải quan phát hiện gian lận, có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Hải quan thực hiện kiểm soát, quản lý các thông tin liên quan đối với việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được phép hồi hương theo nguyên tắc kiểm soát, quản lý thông tin tập trung.

Giao Tổng cục Hải quan chủ trì xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông tin đối với xe ô tô, xe mô tô nhập khẩu của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương để kiểm soát, quản lý các thông tin liên quan đến việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được phép hồi hương.

2. Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô và chỉ đạo các Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu, chuyển nhượng xe ô tô, xe mô tô theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 và Điều 9 Thông tư này.

3. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tiếp nhận dữ liệu do Cục Hải quan tỉnh, thành phố truyền gửi, thực hiện kiểm soát, quản lý tập trung các thông tin liên quan; trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận dữ liệu do Cục Hải quan tỉnh, thành phố truyền gửi Tổng cục Hải quan thông báo kết quả kiểm tra, kiểm soát để Cục Hải quan tỉnh, thành phố làm căn cứ cấp hoặc từ chối không cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo quy định.

4. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được phép hồi hương có nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.

Đối với xe ô tô, xe gắn máy của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hồi hương đã về đến cảng Việt Nam trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2009/TT-BTC ngày 09/6/2009 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 118/2009/TT-BTC ngày 09/6/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam;

b) Điểm 2.2.c, mục I Thông tư số 16/2008/TT-BTC ngày 13/02/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại và các quy định áp dụng đối với đối tượng là cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư ở Việt Nam tại Thông tư này và Thông tư số 215/2010/TT-BTC ngày 29/12/2010 của Bộ Tài chính;

c) Điểm 1.1, mục I Thông tư số 02/2001/TT-TCHQ ngày 29/5/2001 của Tổng cục Hải quan quy định thủ tục hải quan và quản lý xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng được phép nhập khẩu, tạm nhập khẩu theo chế độ phi mậu dịch và các quy định áp dụng đối với đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao tại Thông tư này.

3. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế kể từ ngày văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có hiệu lực thi hành./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

Mẫu: GP/NK OTO/MOTO-VKHH

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN.....
Số:...../NK - VKHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU XE Ô TÔ/XE MÔ TÔ

Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BTC ngày 12/02/2014 của Bộ Tài chính quy định việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị của Ông/Bà:.....

CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Cho phép Ông/Bà.....

Địa chỉ:.....

Được nhập khẩu.... ô tô,..... xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam:

- Nhãn hiệu xe:....., đời xe:....., năm sản xuất:....., nước sản xuất:....., màu sơn:....., số khung:....., số máy:.....; dung tích xi lanh:...., tình trạng động cơ:.....

- Xe nhập khẩu thuộc vận đơn số... ngày..., cảng đích:

Việc nhập khẩu xe ô tô/xe mô tô nêu trên được thực hiện theo quy định hiện hành.

Giấy phép này có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Ông/bà:....
- Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục NK;
- Lưu VT,...

....., ngày.... tháng..... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN

Của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục nhập khẩu:

Xác nhận:

Đã:

..... Ngày.... tháng.... năm 20.....

Lãnh đạo Chi cục

(Ký tên, đóng dấu)